

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số:12/2020/DS-ST

Ngày:18-6-2020.

V/v: Tranh chấp vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Dũ

2. Bà Trần Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang:
Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:162/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:12/2020/QĐXX-ST ngày 06 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Trần Văn T1, sinh năm 1972 (có mặt);

2.2 Bà Trần Thị Tuyết T2, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Ngày 20 tháng 12 năm 2018, bà Trần Thị Tuyết T2 và chồng là ông Trần Văn T1 có vay của bà số tiền 142.000.000đồng, không tính lãi, có làm biên nhận và thỏa thuận mỗi ngày trả 300.000đồng. Tuy nhiên, ông T1, bà T2 chỉ trả được 60 ngày với số tiền là 18.000.000đồng, còn nợ số tiền 124.000.000đồng. Sau đó khoảng 05 tháng (bà không nhớ rõ ngày), vợ chồng ông Trần Văn T1, bà Trần Thị Tuyết T2 tiếp tục

vay của bà 02 lần, mỗi lần 15.000.000đồng, tổng cộng là 30.000.000đồng nhưng không có làm biên nhận, không tính lãi, hẹn 2 đến 3 ngày trả nhưng đến nay không trả. Tổng số tiền ông T1, bà T2 nợ bà là 154.000.000đồng (124.000.000đồng + 30.000.000đồng), đã gần một năm nay, ông T1, bà T2 không trả nợ cho bà. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông T1, bà T2 liên đới trả cho bà số tiền vay 154.000.000đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Trần Văn T1 trình bày: Ông thừa nhận ông và bà Trần Thị Tuyết T2 có nợ của bà Nguyễn Thị N số tiền 154.000.000đồng. Nay ông đồng ý trả số tiền 154.000.000đồng cho bà N nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng.

Đối với bị đơn bà Trần Thị Tuyết T2, trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ bà T2 nhiều lần nhưng bà T2 vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N thay đổi yêu cầu, bà N yêu cầu ông Trần Văn T1 trả số tiền 154.000.000đồng, mỗi tháng trả 6.000.000đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật đến khi trả hết số nợ, bà N không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Trần Văn T1 thừa nhận có nợ bà N 154.000.000đồng và đồng ý trả nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng.

Bị đơn bà Trần Thị Tuyết T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, buộc ông Trần Văn T1 trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 154.000.000đồng, mỗi tháng trả 6.000.000đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật đến khi trả hết số nợ, buộc ông T1 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị N yêu cầu ông Trần Văn T1 trả số tiền vay 154.000.000đồng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Bị đơn ông Trần Văn T1 và bà Trần Thị Tuyết T2 có nơi cư trú tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước,

tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bà Trần Thị Tuyết T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị Tuyết T2.

[3] Về sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/11/2019, bà Nguyễn Thị N yêu cầu ông Trần Văn T1 và bà Trần Thị Tuyết T2 liên đới trả số tiền vay 154.000.000đồng, tuy nhiên tại phiên tòa bà N xác định bà chỉ yêu cầu ông Trần Văn T1 trả số tiền vay 154.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ quy định tại Điều 5, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N yêu cầu ông Trần Văn T1 trả số tiền vay 124.000.000đồng và 30.000.000đồng, tổng cộng là 154.000.000đồng. Xét yêu cầu của bà N đối với số tiền vay 124.000.000đồng: Việc giao kết hợp đồng vay tài sản giữa bà N và ông T1 có thỏa thuận bằng văn bản, ông T1 thừa nhận có ký biên nhận nợ và đồng ý trả toàn bộ số tiền 124.000.000đồng nên yêu cầu này của bà N là có căn cứ. Xét yêu cầu của bà N đối với số tiền vay 30.000.000đồng: Việc giao kết hợp đồng vay tuy không có thỏa thuận bằng văn bản nhưng ông T1 thừa nhận số nợ và đồng ý trả số tiền 30.000.000đồng nên yêu cầu này của bà N là có căn cứ. Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N, buộc ông Trần Văn T1 trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vay 124.000.000đồng và 30.000.000đồng, tổng cộng 154.000.000đồng.

[5] Về phương thức trả nợ: Bà N yêu cầu ông T1 trả mỗi tháng 6.000.000đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trả hết số nợ 154.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự và bà N đã nhiều lần yêu cầu ông T1 trả nợ nhưng ông T1 không trả làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Nghiệp, do vậy việc bà N yêu cầu ông T1 trả dần mỗi tháng 6.000.000đồng là có lợi cho ông T1 và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về ý kiến của bị đơn ông Trần Văn T1 cho rằng số tiền 124.000.000đồng là tiền hui không phải tiền vay nhưng ông không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho ý kiến của ông là đúng nên ý kiến này không được chấp nhận, đồng thời ông xác định ông không tranh chấp tiền hui với bà N, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ngoài ra, ông T1 đồng ý trả cho bà N số tiền 154.000.000đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng, không được bà N đồng ý và cũng không có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông Trần Văn T1 phải chịu án phí trên số tiền phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết về án phí, lệ phí.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 5, khoản 1 Điều 244, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

Buộc ông Trần Văn T1 trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vay 154.000.000 (một trăm năm mươi bốn triệu) đồng, mỗi tháng trả 6.000.000 (sáu triệu) đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật đến khi trả hết số nợ.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Văn T1 còn phải chịu số tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn T1 phải chịu 7.700.000 (bảy triệu bảy trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 3.850.000 (ba triệu tám trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 20120 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị N và ông Trần Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Trần Thị Tuyết T2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Kim Hương